

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 01/9/2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Thị Bích Ngọc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Sáu.
2. Bà Nguyễn Thị Bích Hằng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa:**  
Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 188/2020/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/8/2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị **Nông Thị C**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện C1, tỉnh Tuyên Quang (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**2. Bị đơn:** Anh **Hà Văn H1**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện C1, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Nông Thị C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Văn H1 được tự do tìm hiểu, đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục

tập quán vào năm 2003; anh chị làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C1 theo quy định của pháp luật vào ngày 01/10/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị làm ăn, sinh sống tại thôn L, xã H, huyện C1, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, không có sự chia sẻ trong cuộc sống, không cùng quan điểm sống, anh H1 thường xuyên vắng nhà, không có trách nhiệm với gia đình, không chịu làm ăn để nuôi dưỡng con cái. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra anh chị đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được.

Anh H1 đi làm ăn xa khỏi địa phương, thỉnh thoảng anh H1 có gọi điện về hỏi thăm gia đình nhưng anh H1 cố tình trốn tránh, che giấu địa chỉ nên chị C không cung cấp được địa chỉ chính xác nơi tạm trú và làm việc của anh H1. Hiện tại chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn để quay về xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ, chị và anh H1 đã sống ly thân với nhau từ năm 2017 đến nay, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Hà Văn H1.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị sinh được 02 con chung là cháu Hà Thu T, sinh ngày 15/7/2003 và cháu Hà Duy T1, sinh ngày 15/9/2014. Chị có quan điểm đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh H1 không có, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh Hà Văn H1 đến để giải quyết việc chị C đề nghị ly hôn nhưng anh H1 đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh H1 vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã H, huyện C1, tỉnh Tuyên Quang. Theo lời khai của bà Ma Thị V (mẹ đẻ của anh Hà Văn H1) thì anh H1 và chị C có được tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi cưới thì vợ chồng anh H1, chị C ở chung cùng gia đình nhà bà tại thôn L, xã H, huyện Chiêm Hóa, đến năm 2004 thì anh H1 và chị C ra ở riêng tại thôn L, xã H. Cuộc sống chung của vợ anh H1, chị C hòa thuận sau đó mâu thuẫn xảy ra, đến năm 2018 thì chị C và anh H1 sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Chị C làm đơn xin ly hôn với anh H1, anh H1 có biết và nhất trí ly hôn nhưng do đi làm ăn xa nên không về, anh H1 có nói với chị C cứ giải quyết đơn phương. Bà V cũng không biết địa chỉ nơi ở tạm trú của anh H1. Gia đình bà có nhận được văn bản của Tòa án và đã thông báo cho anh H1 biết việc chị C xin ly hôn nhưng anh H1 không về.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” của chị Nông Thị C: Cho chị Nông Thị C được ly hôn với anh Hà Văn H1.

- Giao cháu Hà Thu T, sinh ngày 15/7/2003 và cháu Hà Duy T1, sinh ngày 15/9/2014 cho chị Nông Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hà Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản và nợ chung chị Nông Thị C không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nông Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *[1] Về pháp luật tố tụng.*

Chị Nông Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Hà Văn H1; Anh Hà Văn H1 có hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã H, huyện C1, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, anh Hà Văn H1 có hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã H, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Anh H1 đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ anh H1 đang ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, gia đình anh H1 đã thông báo cho anh H1 nhưng anh H1 vẫn không về và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc, chỉ nói là ở tỉnh Hà Giang, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, công khai văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh Hà Văn H1 vẫn vắng mặt lần thứ hai, chị Nông Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### *[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị C và anh Hà Văn H1 có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký

kết hôn vào ngày 01/10/2014 tại UBND xã H, huyện C1, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng chị C và anh H1 thực tế đã không tồn tại từ năm 2018 đến nay; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị C và anh H1 đã lâm vào tình trạng trầm T1, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị C là xử cho chị C được ly hôn với anh Hà Văn H1.

[2.2] Về con chung: Chị Nông Thị C và anh Hà Văn H1 có 02 con chung là cháu Hà Thu T, sinh ngày 15/7/2003 và cháu Hà Duy T1, sinh ngày 15/9/2014. Xét thấy hiện anh Hà Văn H1 không có mặt tại địa phương nên cần giao cháu Hà Thu T và Hà Duy T1 cho chị Nông Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản, nợ chung: Chị Nông Thị C không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 143, 144, 147 Bộ luật tố tụng Dân sự, chị Nông Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn); các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của chị Nông Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị C được ly hôn với anh Hà Văn H1.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Thu T, sinh ngày 15/7/2003 và cháu Hà Duy

T1, sinh ngày 15/9/2014 cho chị Nông Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hà Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.*

*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

**3.** Về án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn): Chị Nông Thị C phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2018/0002743 ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C1. Anh Hà Văn H1 không phải nộp án phí.

**4.** Về quyền kháng cáo: Chị Nông Thị C và anh Hà Văn H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện C1;
- UBND xã H;
- Chi cục THADS huyện C1;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Thị Bích Ngọc**





**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Bích Hằng - Bùi Mạnh Hùng**

**Phạm Thị Thùy Trâm**



